

NĂM GIỮ [+9.9%]

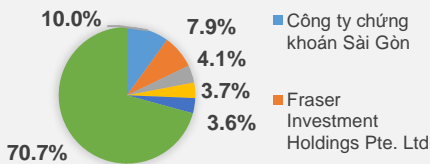
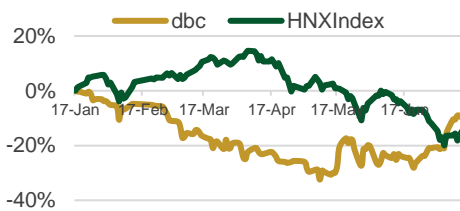
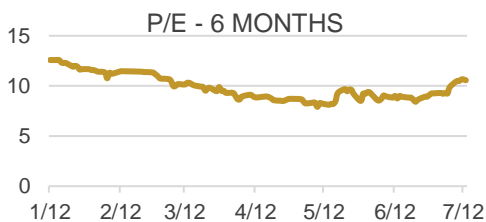
Ngày cập nhật: 31/08/2018

Giá mục tiêu	31,100	VNĐ
Giá hiện tại	28,300	VNĐ

Nguyễn Hoàng Bảo Châu
 (+82-13) 5413 5472- chaunguyen@phs.vn

Thông tin cổ phiếu

CP đang lưu hành (triệu)	82.8
Free-float (triệu)	53.8
Vốn hóa (tỷ đồng)	2,079
KLGD TB 3 tháng	42,110
Sở hữu nước ngoài	26.5
Ngày niêm yết đầu tiên	18/03/2008

Cổ đông lớn

Biến động giá cổ phiếu so với Index

Lịch sử định giá


Nguồn: FiinPro

Tăng trưởng tích cực nhờ giá lợn phục hồi nhưng chi phí lãi vay gia tăng đang bào mòn thành quả lợi nhuận
Sơ lược về công ty:

Là một tập đoàn nông nghiệp hàng đầu với chuỗi kinh doanh khép kín sản xuất thức ăn - chăn nuôi - giết mổ - chế biến. Sản phẩm cốt lõi là thức ăn chăn nuôi với thị phần khoảng 6% tổng thị trường cả nước, xếp sau các công ty như CP (20%), Cargill (10%), Proconco (8%).

Cập nhật KQKD 6 tháng đầu năm 2018

Sau một năm đầy khó khăn, tình hình kinh doanh 6 tháng đầu năm 2018 có sự khởi sắc với doanh thu tăng 17% yoy đạt 2,991 tỷ đồng. Trong đó, doanh thu mảng kinh doanh cốt lõi là thức ăn chăn nuôi (chiếm tỷ trọng 44% trong tổng doanh) giảm 11% yoy, đạt 1,380 tỷ đồng do tình hình chăn nuôi vẫn khó khăn trong những tháng đầu năm. Tuy nhiên, doanh thu từ mảng thịt tăng mạnh 83% lên 790 tỷ đồng, chiếm 25% trong cơ cấu doanh thu do giá thịt heo bắt đầu có sự hồi phục mạnh mẽ kể từ tháng 4 từ 37,000đ/kg lên 48,000đ/kg tính đến tháng 6 (tăng 30%).

Biên lợi nhuận 6 tháng đầu năm cải thiện tích cực so với cùng kỳ đạt 14% trong khi cùng kỳ chỉ ở mức 9% do mảng chăn nuôi và con giống đã cải thiện biên lợi nhuận gộp và lần lượt đạt 4% và 15% trong khi cùng kỳ công ty chịu lỗ từ hai mảng này. Tuy nhiên, chi phí lãi vay tăng khá mạnh 33% do cơ cấu nguồn vốn đang dần chuyển đổi sang xu hướng gia tăng tỷ trọng nợ vay.

Tổng kết, lợi nhuận ròng 6 tháng đầu năm 2018 đạt 106 tỷ đồng, kết quả tích cực trong khi cùng kỳ lỗ 6 tỷ đồng. Với xu hướng phục hồi của giá lợn, trong tháng 7,8 đạt 54,000đ/kg (tăng 54% kể từ mức đáy tháng 2 vừa rồi) ước tính doanh thu 2018 đạt 6,252 tỷ đồng, tăng 6.8% yoy, lợi nhuận ròng là 284 tỷ đồng, tăng 42% yoy.

Điểm nhấn đầu tư:

Giá thịt lợn được kỳ vọng sẽ duy trì ở mức cao từ nay đến cuối năm nhờ thị trường chăn nuôi đã cân bằng cùng việc dịch bệnh bùng phát ở Trung Quốc làm gia tăng nhu cầu nhập khẩu từ nơi khác như Việt Nam.

Các nhà máy của DBC hoạt động chỉ 70% công suất thiết kế. Vì vậy, dư địa tăng trưởng cao nếu triển vọng ngành khả quan và các nhà máy hoạt động hết công suất.

Định giá & khuyến nghị:

Chúng tôi khuyến nghị nắm giữ DBC với giá trị hợp lý cho cổ phiếu được định giá là 31,100đ/cổ phiếu. Chúng tôi sử dụng phương pháp FCFF (tỷ trọng 70%) và P/E (tỷ trọng 30%) để định giá cổ phiếu. Tương ứng với EPS forward 2018 đạt 3,429đ/cổ phiếu và P/E kỳ vọng là 10 lần.

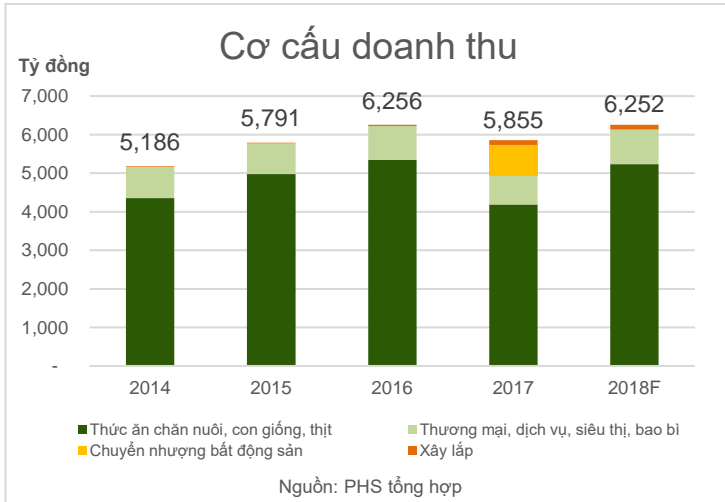
Rủi ro:

Rủi ro lãi suất: những năm gần đây nợ vay của công ty gia tăng mạnh, với việc lãi suất đang dần tăng khiến gánh nặng chi phí lãi vay lớn.

Rủi ro tỷ giá: Công ty phải nhập khẩu 60% nguyên vật liệu đầu vào nên tỷ giá USD/VNĐ đang tăng có thể làm biên lợi nhuận thu hẹp.

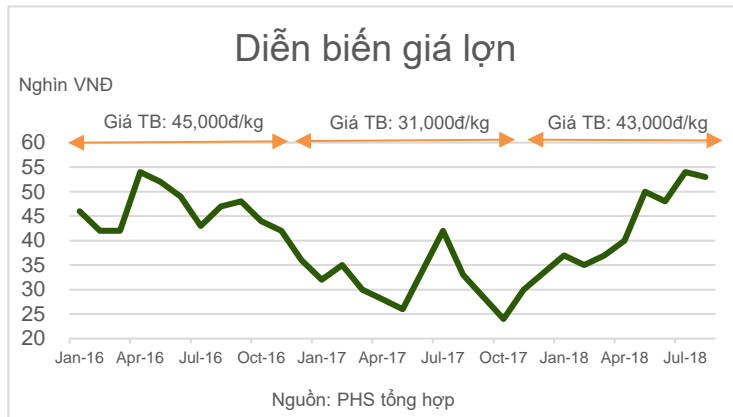
Chỉ số tài chính	2014A	2015A	2016A	2017A	2018F
Doanh thu thuần (tỷ VND)	5.119	5.791	6.256	5.855	6.252
Lợi nhuận sau thuế (tỷ VND)	206	253	451	200	284
EPS (VND)	3.280	4.030	5.993	2.416	3.429
Tăng trưởng EPS (%)	8%	23%	49%	-60%	42%
Giá trị sổ sách (VND)	29.171	31.023	31.068	30.218	32.647
P/E	7.4	6.6	5.7	12.1	7.0
P/B	0.8	0.9	1.1	1.0	0.7
Cổ tức tiền mặt (VND)	1,700	2,000	500	N/a	1,000

Tình hình kinh doanh



CARG doanh thu giai đoạn 2013-2016 tăng trưởng ổn định, đạt 10%. Tuy nhiên, trong năm 2017 do ngành chăn nuôi gặp nhiều khó khăn khiến doanh thu suy giảm 6% yoy xuống còn 5,855 tỷ đồng. Trong đó, doanh thu từ mảng thức ăn chăn nuôi và thịt (chiếm 71% trong tổng doanh thu) giảm 21% yoy do lĩnh vực chăn nuôi lợn chịu ảnh hưởng nặng nề khi giá lợn xuống thấp kỷ lục, người nuôi thua lỗ dẫn đến giảm đàn và giảm bữa ăn cũng như cơ cấu thức ăn cho vật nuôi. Do vậy, sản lượng tiêu thụ thức ăn chăn nuôi cũng suy giảm. Tổng doanh thu từ các mảng sản xuất bao bì, siêu thị khách sạn cũng giảm 15% yoy đạt 750 tỷ đồng. Bù lại, trong năm 2017 công ty ghi nhận khoản doanh thu từ bất động sản 800 tỷ đồng do việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất của Dự án Khu đô thị Đền Đô. Doanh thu xây lắp tăng 3 lần lên 120 tỷ đồng đến từ xây thô dự án khu đô thị Hồ Điều Hòa và Dự án Khu đô thị Nguyễn Cao.

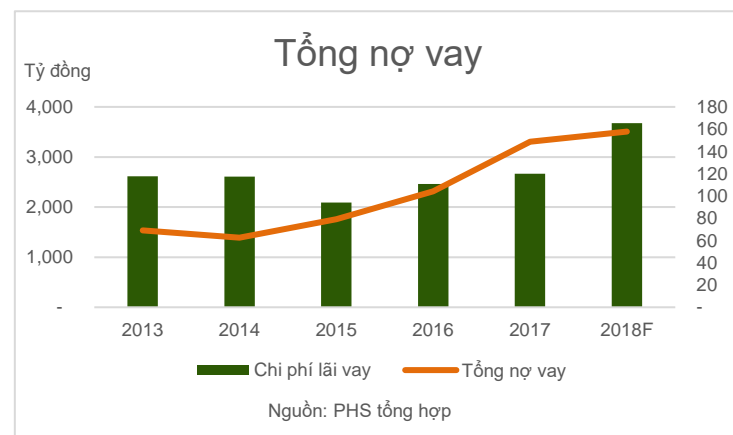
Lợi nhuận gộp trong năm 2017 đạt 763 tỷ, giảm 6% so với cùng kỳ. Biên lợi nhuận gộp 2017 tương đương năm 2016 nhưng vẫn ở mức thấp 13%. Trong đó, biên lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh cốt lõi giảm mạnh xuống 8% từ mức 14% cùng kỳ do giá bán lợn giảm mạnh nhưng nhờ sự đóng góp của mảng bất động sản có biên lợi nhuận gộp cao (42%) nên biên lợi nhuận gộp chung vẫn duy trì tương đương cùng kỳ. Trong khi đó, chi phí bán hàng quản lý doanh nghiệp tăng lần lượt 15% và 17%, chi phí lãi vay cũng tăng 8% tiếp tục bào mòn lợi nhuận của doanh nghiệp. Tổng kết, lợi nhuận ròng cả năm 2017 đạt 279 tỷ đồng, giảm -47% yoy, tương ứng EPS năm 2017 là 2,416đ/cổ phiếu (-60% yoy)



Sau một năm đầy khó khăn, tình hình kinh doanh 6 tháng đầu năm 2018 có sự khởi sắc với doanh thu tăng 17% yoy đạt 2,991 tỷ đồng. Trong đó, doanh thu mảng kinh doanh cốt lõi là thức ăn chăn nuôi (chiếm tỷ trọng 44% trong tổng doanh) giảm 11% yoy, đạt 1,380 tỷ đồng do tình hình chăn nuôi vẫn khó khăn trong những tháng đầu năm. Tuy nhiên, doanh thu từ mảng thịt tăng mạnh 83% lên 790 tỷ đồng, chiếm 25% trong cơ cấu doanh thu do giá thịt heo bắt đầu có sự hồi phục mạnh mẽ kể từ tháng 4 từ 37,000đ/kg lên 48,000đ/kg tính đến tháng 6 (tăng 30%).

Biên lợi nhuận 6 tháng đầu năm cải thiện tích cực so với cùng kỳ đạt 14% trong khi cùng kỳ chỉ ở mức 9% do mảng chăn nuôi và con giống đã cải thiện biên lợi nhuận gộp và lần lượt đạt 4% và 15% trong khi cùng kỳ công ty chịu lỗ từ hai mảng này. Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp lần lượt tăng 20% và 2% trong khi chi phí lãi vay tăng khá mạnh 33% do cơ cấu nguồn vốn đang dần chuyển đổi sang xu hướng gia tăng tỷ trọng nợ vay.

Tính đến cuối quý 2/2018 tổng nợ vay tăng lên 3,544 tỷ đồng từ mức, tỷ lệ nợ vay/vốn chủ sở hữu là 143% trong khi mức trung bình 3 năm gần nhất là 107%. Chi phí lãi vay trong 6 tháng đầu năm 2018 gần 100 tỷ đồng trong khi cả năm 2017 chi phí lãi vay chỉ 120 tỷ đồng. Tính chung, nhờ doanh thu tăng và biên lợi nhuận gộp cải thiện, lợi nhuận ròng 6 tháng đầu năm 2018 đạt 106 tỷ đồng, kết quả tích cực khi so sánh với mức lỗ 6 tỷ đồng cùng kỳ 2017.



Triển vọng 2018

Chúng tôi dự phóng doanh thu 2018 đạt 6,252 tỷ đồng, tăng 6.8% yoy. Trong đó, dù không còn ghi nhận doanh thu từ chuyển nhượng bất động sản như năm 2017 nhưng các mảng kinh doanh khác sẽ tăng trưởng tích cực do giá thịt lợn được kỳ vọng sẽ duy trì ở mức cao từ nay đến cuối năm nhờ thị trường chăn nuôi đã cân bằng cùng việc dịch bệnh bùng phát ở Trung Quốc dẫn tới nguồn cung heo giảm và cần nhập khẩu từ nơi khác như Việt Nam. Do tình hình khó khăn của ngành chăn nuôi trong năm 2017, các nhà máy của DBC mới chỉ hoạt động 70% công suất thiết kế. Vì vậy, dư địa tăng trưởng cao nếu triển vọng ngành khả quan và các nhà máy hoạt động hết công suất.

Ước tính biên lợi nhuận tiếp tục cải thiện lên mức 14.3%, tuy nhiên chi phí lãi vay sẽ tăng mạnh do nợ vay ở mức cao bào mòn thành quả lợi nhuận. Tính chung, lợi nhuận ròng ước tính cho năm 2018 là 284 tỷ đồng, tăng 42% yoy. EPS forward 2018 là 3,429đ/cổ phiếu.

Định giá và khuyến nghị

Với sự phục hồi tích cực của giá lợn kể từ đầu quý 2/2018 kỳ vọng kết quả kinh doanh của DBC sẽ cải thiện so với 2017. Tuy nhiên, chi phí lãi vay ngày càng tăng cao bào mòn phần lớn thành quả lợi nhuận nên chúng tôi khuyến nghị **NẮM GIỮ** với cổ phiếu DBC với giá trị hợp lý cho cổ phiếu được định giá là 31,100đ/cổ phiếu. Chúng tôi sử dụng phương pháp FCFF (tỷ trọng 70%) và P/E (tỷ trọng 30%) để định giá cổ phiếu. Với phương pháp FCFF, chúng tôi định giá cổ phiếu ở mức 29,728đ/cổ phiếu.

Chỉ tiêu (tỷ đồng)	2018F	2019F	2020F	2021F	2022F
LNST	284	357	406	433	471
Lãi Vay Sau thuế	128	121	127	128	123
Khấu hao	62	65	70	75	80
Thay đổi VLĐ	-189	-178	-248	-74	-96
Chi TSCĐ	-93	-129	-126	-122	-119
FCFF	193	236	229	439	458
WACC	10.23%				
Kỳ chiết khấu	1	2	3	4	5
Hệ số chiết khấu	0.91	0.82	0.75	0.68	0.61
PV CF	175	194	171	297	282
PV Giá trị cuối cùng	4,011				
Giá trị DN	5,130				
Nợ	-3,307				
Tiền mặt	639				
Giá trị vốn hóa	2,462				
CP lưu hành	82,818				
Giá mỗi cổ phiếu(vnđ)	29,728				

Với phương pháp P/E, chúng tôi định giá cổ phiếu DBC ở mức 34,290đ/cổ phiếu tương ứng với EPS forward 2018 đạt 3,429đ/cổ phiếu và P/E kỳ vọng 10 lần.

Phương pháp	Giá hợp lý	Tỷ trọng	Giá thành phần
FCFF	29,728	70%	20,809
P/E	34,290	30%	10,287
		Giá trị định giá	31,096

Rủi ro

Rủi ro lãi suất: chính phủ đang điều hành chính sách tiền tệ theo hướng thắt chặt, qua đó, việc lãi suất có xu hướng gia tăng sẽ tác động tiêu cực đến DBC do công ty có cơ cấu nợ vay cao và tăng dần qua các năm.

Rủi ro tỷ giá: Công ty phải nhập khẩu 60% nguyên vật liệu đầu vào như bã đậu nành, bột mì và ngô để sản xuất thức ăn chăn nuôi. Do đó, việc tỷ giá đang có xu tăng cùng với đà tăng của USD làm tăng chi phí giá vốn, qua đó kéo lợi nhuận suy giảm.

Rủi ro bệnh dịch: Là công ty hoạt động trong ngành chăn nuôi, ngành dễ bị tổn thương bởi dịch bệnh ở gia súc và gia cầm như dịch heo tai xanh, lở mồm long móng. Đặc biệt là hiện nay, dịch tả heo Châu Phi đang hoành hành ở Trung Quốc có khả năng lan rộng sang các nước khác.

Sơ lược công ty

Thành lập năm 1996, là một tập đoàn nông nghiệp hàng đầu với chuỗi kinh doanh khép kín sản xuất thức ăn - chăn nuôi - giết mổ - chế biến.

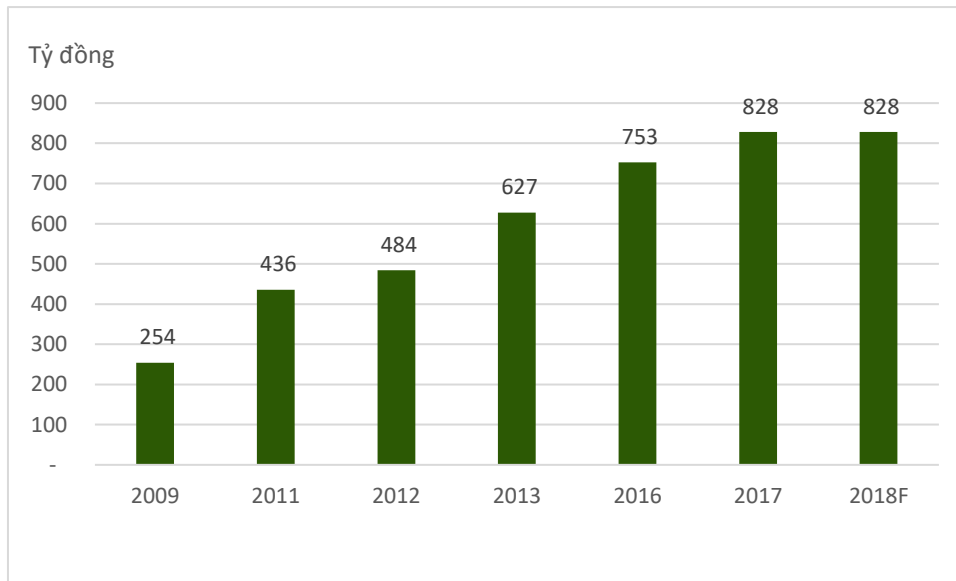
Khởi đầu với sản xuất thức ăn chăn nuôi và gà giống, năm 2003 công ty bắt đầu sản xuất con giống lợn và thịt lợn. Năm 2010 tham gia vào thị trường bất động sản thông qua công ty con thực hiện các dự án BT. Năm 2014 khai trương Siêu thị Dabaco Gia Bình tại Bắc Ninh. Năm 2016 khánh thành Khách sạn Le Indochina đạt tiêu chuẩn 5 sao. Năm 2017 khánh thành Trung tâm thương mại Dabaco Từ Sơn.

Sản phẩm cốt lõi là thức ăn chăn nuôi với thị phần khoảng 6% tổng thị trường cả nước, xếp sau công ty CP (20%), Cargill (10%), Proconco (8%). Tính riêng khu vực các tỉnh miền Bắc và miền Trung công ty chiếm khoảng 20% thị phần. Mạng siêu thị và kinh doanh khách sạn mang lại dòng tiền ổn định cho công ty.



DABACO GROUP

Quá trình tăng vốn (tỷ VNĐ)



(Nguồn :DBC, PHS dự phóng)

Báo cáo tài chính (tỷ VNĐ)

Kết quả kinh doanh	2014A	2015A	2016A	2017A	2018E	2019E	2020E	2021E	2022E
Doanh thu thuần	5,119	5,791	6,256	5,855	6,252	7,388	8,115	8,569	9,052
Giá vốn hàng bán	4,531	5,091	5,441	5,092	5,364	6,339	6,963	7,353	7,766
Lợi nhuận gộp	588	700	815	763	888	1,049	1,152	1,217	1,285
Chi phí bán hàng	111	148	183	210	219	259	284	300	317
Chi phí QLDN	133	164	192	225	216	269	288	308	323
Lợi nhuận từ HĐKD	345	388	441	329	453	521	580	609	645
Lợi nhuận tài chính	22	(10)	193	70	62	76	86	92	97
Chi phí lãi vay	117	94	111	120	161	151	159	160	154
Lợi nhuận trước thuế	249	284	523	279	355	446	507	541	588
Lợi nhuận sau thuế	206	253	451	200	284	357	406	433	471
LNST của cổ đông Công ty mẹ	206	253	451	200	284	357	406	433	471
Cân đối kế toán	2014A	2015A	2016A	2017A	2018E	2019E	2020E	2021E	2022E
Tài Sản Ngắn Hạn	2,976	3,119	3,228	3,322	3,479	3,910	4,298	4,538	4,736
Tiền và tương đương tiền	281	146	280	226	250	296	325	343	362
Đầu tư tài chính ngắn hạn	88	273	370	413	413	413	413	413	413
Phải thu ngắn hạn	418	425	595	568	582	618	705	757	778
Hàng tồn kho	2,143	2,249	1,938	2,038	2,152	2,485	2,746	2,910	3,060
Tài sản ngắn hạn khác	46	25	46	83	89	105	115	121	128
Tài Sản Dài Hạn	1,096	1,509	2,313	3,731	3,659	3,788	3,915	4,037	4,157
Phải thu dài hạn	-	5	6	7	7	7	7	7	7
Tài sản cố định	1,059	1,166	1,401	2,529	2,455	2,583	2,707	2,827	2,945
Bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Chi phí xây dựng dở dang	16	319	870	1,037	1,038	1,040	1,042	1,044	1,046
Đầu tư tài chính dài hạn	-	1	21	87	87	87	87	87	87
Tài sản dài hạn khác	21	17	16	72	72	72	72	72	72
Lợi thế thương mại	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Tổng cộng tài sản	4,220	4,615	5,529	6,989	7,138	7,698	8,213	8,575	8,893
Nợ phải trả	2,390	2,669	3,190	4,487	4,435	4,720	4,912	4,924	4,854
Nợ ngắn hạn	2,215	2,411	2,630	3,462	3,312	3,587	3,758	3,752	3,661
Nợ dài hạn	175	258	560	1,024	1,123	1,133	1,153	1,173	1,192
Vốn chủ sở hữu	1,830	1,946	2,339	2,503	2,704	2,978	3,301	3,651	4,039
Vốn điều lệ	627	627	753	828	828	828	828	828	828
Lợi ích cổ đông thiểu số	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Tổng nguồn vốn	4,220	4,615	5,529	6,989	7,138	7,698	8,213	8,575	8,893

Lưu chuyển tiền tệ	2014A	2015A	2016A	2017A	2018E	2019E	2020E	2021E	2022E
Lưu chuyển tiền thuần từ HĐ Kinh doanh	434	227	260	82	162	256	236	439	460
Lưu chuyển tiền thuần từ HĐ Đầu tư	135	(494)	(595)	(935)	(93)	(129)	(126)	(122)	(119)
Lưu chuyển tiền thuần từ HĐ Tài chính	(425)	132	469	800	(84)	(17)	(11)	(223)	(241)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	144	(134)	134	(54)	(15)	111	99	93	100
Tiền & tương đương tiền đầu kỳ	281	146	280	280	226	250	296	325	343
Tiền & tương đương tiền cuối kỳ	281	146	280	226	250	296	325	343	362
Chỉ số tài chính (%)	2014A	2015A	2016A	2017A	2018E	2019E	2020E	2021E	2022E
Tăng trưởng									
Doanh thu	9%	13%	8%	-6%	7%	18%	10%	6%	6%
Lợi nhuận sau thuế	8%	23%	78%	-56%	42%	26%	14%	7%	9%
Tổng tài sản	5%	9%	20%	26%	2%	8%	7%	4%	4%
Tổng vốn chủ sở hữu	6%	6%	20%	7%	8%	10%	11%	11%	11%
Khả năng sinh lời									
Tỷ suất lãi gộp	11%	12%	13%	13%	14%	14%	14%	14%	14%
Tỷ suất EBIT	7%	7%	7%	6%	7%	7%	7%	7%	7%
Tỷ suất EBITDA	9%	10%	10%	7%	9%	8%	8%	8%	8%
Tỷ suất lãi ròng	4%	4%	7%	3%	5%	5%	5%	5%	5%
ROA	5%	6%	9%	3%	4%	5%	5%	5%	5%
ROE	11%	13%	21%	8%	11%	13%	13%	12%	12%
Hiệu quả hoạt động									
Vòng quay khoản phải thu	10.9	13.7	12.3	10.1	11.7	11.9	11.5	11.3	11.6
Vòng quay hàng tồn kho	2.3	2.3	2.6	2.6	2.5	2.6	2.5	2.5	2.5
Vòng quay khoản phải trả	8.0	8.3	12.0	11.8	10.0	10.0	10.0	9.0	9.0
Khả năng thanh toán									
Tỷ suất thanh toán hiện thời	1.3	1.3	1.2	1.0	1.1	1.1	1.1	1.2	1.3
Tỷ suất thanh toán nhanh	0.4	0.4	0.5	0.4	0.4	0.4	0.4	0.4	0.5
Cấu trúc tài chính									
Tổng nợ/Tổng tài sản	57%	58%	58%	64%	62%	61%	60%	57%	55%
Tổng nợ/Vốn chủ sở hữu	131%	137%	136%	179%	164%	159%	149%	135%	120%
Vay ngắn hạn/VCSH	67%	78%	75%	92%	81%	76%	70%	59%	49%
Vay dài hạn/VCSH	9%	13%	24%	40%	41%	38%	35%	32%	29%

Nguồn: PHS

Đảm bảo phân tích

Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này.

Định nghĩa xếp loại

Mua = cao hơn thị trường nội địa trên 10%

Giữ = bằng thị trường nội địa với tỉ lệ từ +10%~ -10%

Bán = thấp hơn thị trường nội địa dưới 10%.

Không đánh giá = cổ phiếu không được xếp loại trong Phú Hưng hoặc chưa niêm yết.

Biểu hiện được xác định bằng tổng thu hồi trong 12 tháng (gồm cả cổ tức).

Miễn trách

Thông tin này được tổng hợp từ các nguồn mà chúng tôi cho rằng đáng tin cậy, nhưng chúng tôi không chịu trách nhiệm về sự hoàn chỉnh hay tính chính xác của nó. Đây không phải là bản chào hàng hay sự nài khẩn mua của bất cứ cổ phiếu nào. Chứng khoán Phú Hưng và các chi nhánh và văn phòng và nhân viên của mình có thể có hoặc không có vị trí liên quan đến các cổ phiếu được nhắc tới ở đây. Chứng khoán Phú Hưng (hoặc chi nhánh) đôi khi có thể có đầu tư hoặc các dịch vụ khác hay thu hút đầu tư hoặc các hoạt động kinh doanh khác cho bất kỳ công ty nào được nhắc đến trong báo cáo này. Tất cả các ý kiến và dự đoán có trong báo cáo này được tạo thành từ các đánh giá của chúng tôi vào ngày này và có thể thay đổi không cần báo trước.

© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS).

Tòa nhà CR3-03A, Tầng 3, 109 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (+84-28) 5 413 5479

Fax: (+84-28) 5 413 5472

Customer Service: (+84-28) 5 411 8855

Call Center: (+84-28) 5 413 5488

E-mail: info@phs.vn / support@phs.vn

Web: www.phs.vn

PGD Phú Mỹ Hưng

Tòa nhà CR2-08, 107 Tôn Dật Tiên, P. Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (+84-28) 5 413 5478

Fax: (+84-28) 5 413 5473

Chi nhánh Quận 3

Tầng 2, Tòa nhà Phương Nam, 157 Võ Thị Sáu, Quận 3, Tp. HCM

Điện thoại: (+84-28) 3 820 8068

Fax: (+84-28) 3 820 8206

Chi Nhánh Thanh Xuân

Tầng 1, Tòa nhà 18T2, Lê Văn Lương, Trung Hòa Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Hà Nội.

Phone: (+84-24) 6 250 9999

Fax: (+84-24) 6 250 6666

Chi nhánh Tân Bình

Tầng trệt, P. G.4A, Tòa nhà E-Town 2, 364 Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, Tp.HCM.

Điện thoại: (+84-28) 3 813 2405

Fax: (+84-28) 3 813 2415

Chi nhánh Hà Nội

Tầng 3, Tòa nhà Naforimex, 19 Bà Triệu, Q. Hoàn Kiếm, Hà Nội

Phone: (+84-24) 3 933 4560

Fax: (+84-24) 3 933 4820

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng

Phone: (+84-22) 384 1810

Fax: (+84-22) 384 1801